

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-PT
Ngày 26-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 85/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 13/TB-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; địa chỉ: Số 442 N, phường 05, quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền ngày 05-7-2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành M và bà Nguyễn Thị Cẩm V – nhân viên xử lý nợ; địa chỉ: Số 152-154-156 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 01-12-2023) – Ông M có mặt, bà V vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn A và bà Nguyễn Thị N; cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Tấn Ph; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Anh Huỳnh Tấn T; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

3. Chị Huỳnh Thị Ánh Nh; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (viết tắt là XB) ký hợp đồng tín dụng cho ông Huỳnh Tấn A, bà Nguyễn Thị N vay vốn để sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng năm. Ngày 06-11-2015, ông A, bà N ký hợp đồng thế chấp số LDA.BĐCN.178.041115 để thế chấp cho XB 03 thửa đất tọa lạc tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông gồm: Thửa đất số 130c, tờ bản đồ 01, diện tích 120m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số R do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện K cấp ngày 01-12-2011 cho ông A, bà N; thửa đất số 181, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.880m² theo GCNQSDĐ số S do UBND huyện K cấp ngày 20-3-2001 cho hộ ông A; thửa đất số 61, tờ bản đồ 65, diện tích 7.687,7m² theo GCNQSDĐ số Q do UBND huyện K cấp ngày 11-9-2015 cho ông A, bà N.

Do hợp đồng tín dụng được tất toán hàng năm nên các hợp đồng tín dụng ký kết trước thời điểm hai bên ký thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LDA.CN.769.131017 ngày 13-10-2017 được lưu kho thanh lý.

Trên cơ sở thỏa thuận ngày 13-10-2017, hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng số LDA.CN.2135.171018 ngày 17-10-2018, nội dung: XB cho ông A, bà N vay số tiền 450.000.000 đồng; mục đích: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh mua bán nông sản; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất thời điểm giải ngân 10,00%/năm, cố định trong 03 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng một lần theo công thức $LS_{13} + 3,00\%/năm$; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm thanh toán lãi là 10%; tiền lãi được trả hàng tháng. Hết thời hạn 01 năm, XB cho ông A, bà N đáo hạn và ký lại Khế ước nhận nợ số: LDA.CN.2135.171018/02 ngày 17-10-2019, thời điểm thanh toán tiền gốc cuối cùng vào ngày 17-10-2020. Tài sản bảo đảm vẫn thực hiện theo hợp đồng thế chấp số LDA.BĐCN.178.041115 ngày 06-11-2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A, bà N chỉ thanh toán tiền lãi trong hạn mà không trả được nợ gốc nên ngày 17-10-2020, XB đã chuyển toàn bộ số nợ gốc 450.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Ngày 14-10-2021, ông A, bà N thanh toán được 120.000.000 đồng nợ gốc nên XB đồng ý giải chấp thửa đất số 130c, tờ bản đồ 01; đối với số tiền nợ gốc còn nợ lại 330.000.000 đồng XB tiếp tục chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi quá hạn.

Do ông A, bà N không trả được nợ nên XB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho XB số tiền nợ gốc 330.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 167.165.630 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi 17.237.542 đồng. Trường hợp ông A, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì XB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số

181, tờ bản đồ 01 và thửa đất số 61, tờ bản đồ 65 theo hợp đồng thế chấp ngày 06-11-2015. Trường hợp việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì ông A, bà N phải tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Tấn A, bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông bà thừa nhận việc vay tiền và số nợ còn lại 330.000.000 như XB trình bày. Do dịch bệnh, tiêu chết không cho thu hoạch nên ông bà xin XB cho trả nợ dần. Trường hợp XB không cho trả dần thì ông bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của XB, nếu ông bà không thanh toán được nợ thì XB có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Anh Huỳnh Tấn T:* Anh là thành viên của hộ gia đình ông A, bà N. Anh mong muốn bán được tài sản thế chấp để trả nợ cho bố mẹ anh, trường hợp không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Đối với anh Huỳnh Tấn Ph và chị Huỳnh Thị Ánh Nh:* Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng anh Ph, chị Nh đều vắng mặt nên không thu thập được lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 235, 147, 155, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 10, 11, 12, 13, 18, 19, 20, 23 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016; các điều 410, 418, 429, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- *Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của XB: Buộc ông A, bà N phải thanh toán cho XB tổng số tiền 497.165.630 đồng (trong đó tiền nợ gốc 330.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 167.165.630 đồng).*

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của XB về việc thanh toán tiền phạt lãi chậm trả lãi 17.237.542 đồng.*

- *XB có nghĩa vụ trả lại GCNQSDĐ số S do UBND huyện K cấp ngày 20-3-2001 cho hộ ông A đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ 01, diện tích 1.880m²; GCNQSDĐ số Q do UBND huyện K cấp ngày 11-9-2015 cho ông A, bà N đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ 65, diện tích 7.687,7m² khi ông A, bà N thanh toán xong các khoản nợ cho ACB.*

- *Trường hợp ông A, bà N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, XB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 181, tờ bản đồ 01, diện tích 1.880m² và thửa đất số 61, tờ bản đồ 65, diện tích 7.687,7m², cùng tọa lạc tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06-11-2015. Trường hợp toàn bộ tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông A, bà N có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho XB. Nếu tài sản thế chấp còn dư thì XB phải trả lại số tiền dư cho ông A, bà N.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06-10-2023, nguyên đơn XB kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền phạt lãi chậm trả lãi số tiền 17.237.542 đồng, rút kháng cáo đối với các nội dung còn lại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của XB nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[1.2]. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của XB rút một phần yêu cầu kháng cáo về số tiền nợ gốc, lãi quá hạn, xử lý tài sản thế chấp, án phí và chi phí tố tụng nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của XB về các nội dung trên.

[2]. Xét kháng cáo của XB về số tiền phạt lãi chậm trả lãi:

[2.1]. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: *“Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: ...b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”*.

Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: *“Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”*.

Như vậy, theo quy định và hướng dẫn nêu trên thì XB chỉ được tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền lãi của số tiền nợ gốc một lần với mức lãi suất không quá 10%/năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, XB thừa nhận ông A, bà N đã thanh toán toàn bộ tiền lãi trong hạn. Đối với tiền lãi quá hạn thì do ông A, bà N không thanh toán nợ gốc đúng hạn nên XB đã chuyển toàn bộ nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Do đó, mặc dù tại tiểu mục 2.2.3, mục 2.2, Điều 2 của Khế ước nhận nợ, hai bên có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm tính trên số dư tiền lãi chậm trả, tuy nhiên, việc XB yêu cầu ông A, bà N phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi số tiền 17.237.542 đồng đối với việc chậm trả lãi quá hạn là tình trạng “lãi chồng lãi” nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “*Kể từ ngày 27-9-2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung đã ký*” là không đúng, bởi lẽ, theo hướng dẫn tại Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 thì cần tuyên buộc ông A, bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Tuy nhiên, do ông A, bà N không kháng cáo nên không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm mà chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của XB về phạt lãi chậm trả lãi, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên XB phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 295, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về số tiền nợ gốc, lãi quá hạn, xử lý tài sản thế chấp, chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về phạt lãi chậm trả lãi, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về việc buộc ông Huỳnh Tấn A, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán tiền phạt lãi chậm trả lãi số tiền 17.237.542đ (*mười bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng*).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 01-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Lê Văn Hữu